

ĐỀ CƯƠNG TUYÊN TRUYỀN
Một số điểm mới của Nghị quyết Hội nghị lần Thứ Năm Ban
Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XII)

Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy trân trọng giới thiệu một số điểm mới của 03 Nghị quyết Hội nghị lần Thứ Năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XII) về “Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”; “Tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước”; “Phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa” (kèm theo Hướng dẫn số 30-HD/BTGTU ngày 15/8/2017 của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy).

Nội dung cụ thể như sau:

I- Một số điểm mới của Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 03/6/2017 Hội nghị lần Thứ Năm Ban chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XII) về “Phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”

1- Quan điểm về vị trí, vai trò của kinh tế tư nhân

Xác định rõ hơn và nhấn mạnh việc *phát triển kinh tế tư nhân lành mạnh theo cơ chế thị trường là yêu cầu tất yếu, khách quan, vừa cấp thiết, vừa lâu dài trong quá trình hoàn thiện thể chế, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta*. Quan điểm mới này nhằm tiếp tục khẳng định, cụ thể hóa rõ hơn nhận thức, tư duy nhất quán và liên tục phát triển của Đảng đối với phát triển kinh tế tư nhân.

Phát triển kinh tế tư nhân phải được thực hiện một cách đồng bộ, tổng thể cùng với các giải pháp cải cách doanh nghiệp nhà nước, cải cách hành chính công và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; do đó, Nghị quyết xác định: *Phát triển kinh tế tư nhân là một phương sách quan trọng để huy động và phân bổ có hiệu quả các nguồn lực phát triển và giải phóng sức sản xuất*.

Cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội XII của Đảng và xác định rõ hơn vai trò, vị thế của kinh tế tư nhân trong bối cảnh nước ta đang đẩy mạnh thực hiện đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế gắn với thực hiện ba đột phá chiến lược; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ và tích cực hội nhập quốc tế. Do vậy, Nghị quyết xác định: *“Kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể cùng với kinh tế tư nhân là nòng cốt để phát triển một nền kinh tế độc lập, tự chủ”*.

2- Quan điểm chỉ đạo, định hướng cho phát triển kinh tế tư nhân

Định hướng phát triển cho kinh tế tư nhân cụ thể và phù hợp hơn với bối cảnh và điều kiện mới. Đó là:

Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để kinh tế tư nhân phát triển nhanh, bền vững, đa dạng với tốc độ tăng trưởng cao cả về số lượng, quy mô, chất lượng và tỉ trọng đóng góp trong GDP.

Xoá bỏ mọi rào cản, định kiến, tạo mọi điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế tư nhân lành mạnh và đúng định hướng. Phát huy mặt tích cực có lợi cho đất nước của kinh tế tư nhân, đồng thời tăng cường kiểm tra, thanh tra, giám sát, kiểm soát, thực hiện công khai, minh bạch, ngăn chặn, hạn chế mặt tiêu cực, nhất là phòng, chống mọi biểu hiện của "chủ nghĩa tư bản thân hữu", quan hệ "lợi ích nhóm", thao túng chính sách, cạnh tranh không lành mạnh để trục lợi bất chính.

Kinh tế tư nhân được phát triển ở tất cả các ngành, lĩnh vực mà pháp luật không cấm. Phát huy phong trào khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo; nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Tạo môi trường và điều kiện thuận lợi để các hộ kinh doanh tự nguyện liên kết hình thành các hình thức tổ chức hợp tác hoặc hoạt động theo mô hình doanh nghiệp. Khuyến khích hình thành các tập đoàn kinh tế tư nhân đa sở hữu và tư nhân góp vốn vào các tập đoàn kinh tế nhà nước, có đủ khả năng tham gia mạng sản xuất và chuỗi giá trị khu vực, toàn cầu.

Khuyến khích kinh tế tư nhân tham gia góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp nhà nước khi cổ phần hoá hoặc Nhà nước thoái vốn. Thúc đẩy phát triển mọi hình thức liên kết sản xuất, kinh doanh, cung cấp hàng hoá, dịch vụ theo mạng sản xuất, chuỗi giá trị thị trường giữa kinh tế tư nhân với kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể và các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài nhằm tiếp nhận, chuyển giao, tạo sự lan toả rộng rãi về công nghệ tiên tiến và quản trị hiện đại, nâng cao giá trị gia tăng và mở rộng thị trường tiêu thụ.

Trong định hướng phát triển cho kinh tế tư nhân cụ thể và phù hợp hơn với bối cảnh và điều kiện mới, Nghị quyết đề cao vai trò và trách nhiệm của đội ngũ doanh nhân Việt Nam nhằm đảm bảo tính định hướng XHCN trong phát triển kinh tế tư nhân, Nghị quyết xác định "*Chăm lo bồi dưỡng, giáo dục, nâng cao nhận thức chính trị, tinh thần tự lực, tự cường, lòng yêu nước, tự hào, tự tôn dân tộc, gắn bó với lợi ích của đất nước và sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội của các chủ doanh nghiệp. Phát triển đội ngũ doanh nhân Việt Nam ngày càng vững mạnh, có ý thức chấp hành pháp luật, trách nhiệm với xã hội và kỹ năng lãnh đạo, quản trị cao; chú trọng xây dựng văn hoá doanh nghiệp, đạo đức doanh nhân*".

Xác định rõ vai trò, chức năng và mối quan hệ giữa Nhà nước và thị trường trong nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập.

Đề cao vai trò lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, nhất là tổ chức công đoàn, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp để bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện theo

kịp với sự phát triển về mọi mặt của kinh tế tư nhân trong nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập.

3- Mục tiêu tổng quát phát triển kinh tế tư nhân

Nghị quyết nêu: “*Phát triển kinh tế tư nhân lành mạnh, hiệu quả, bền vững, thực sự trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, góp phần phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, sớm đưa nước ta trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại*”. Do vậy, Nghị quyết xác định “*Kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể cùng với kinh tế tư nhân là nòng cốt để phát triển nền kinh tế độc lập, tự chủ*”.

4- Mục tiêu cụ thể

Trong quá trình tổng kết và căn cứ vào các nguồn tài liệu, như: Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII; Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 01/11/2016 về một số chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế; Nghị quyết số 142/2016/QH13 của Quốc hội về “*Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020*”; Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16-5-2016 của Chính phủ về “*Hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020*”; các số liệu của Tổng cục Thống kê, một số nghiên cứu chuyên sâu khác về kinh tế Việt Nam và kinh nghiệm quốc tế, trong đó có Báo cáo Việt Nam 2035 do Chính phủ phối hợp với Ngân hàng Thế giới xây dựng... để nghiên cứu, phân tích một cách khoa học nhằm xác định các mục tiêu cụ thể này; thảo luận kỹ với các ban, bộ, ngành và địa phương cũng như các chuyên gia trong nước và quốc tế. Đây là căn cứ để Nghị quyết mới đề ra các mục tiêu cụ thể về *chỉ tiêu số lượng doanh nghiệp hoạt động; tốc độ tăng trưởng và tỷ lệ đóng góp trong GDP; tốc độ tăng năng suất lao động, trình độ công nghệ, chất lượng nhân lực và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp* trong từng giai đoạn phát triển mới đối với kinh tế tư nhân. Cụ thể như sau:

- Chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả kinh doanh trong khu vực kinh tế tư nhân. Phần đầu đến năm 2020 có ít nhất 1 triệu doanh nghiệp; đến năm 2025 có hơn 1,5 triệu doanh nghiệp và đến năm 2030, có ít nhất 2 triệu doanh nghiệp.

- Tốc độ tăng trưởng của kinh tế tư nhân cao hơn tốc độ tăng trưởng chung của nền kinh tế. Phần đầu tăng tỉ trọng đóng góp của khu vực kinh tế tư nhân vào GDP để đến năm 2020 đạt khoảng 50%, năm 2025 khoảng 55% và đến năm 2030 đạt khoảng 60-65%.

- Bình quân giai đoạn 2016-2025, năng suất lao động tăng khoảng 4-5%/năm. Thu hẹp khoảng cách về trình độ công nghệ, chất lượng nhân lực và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp tư nhân so với nhóm dẫn đầu ASEAN-

4; nhiều doanh nghiệp tư nhân tham gia mạng sản xuất, chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu.

Mục tiêu trong Nghị quyết được thể hiện đồng bộ, các mục tiêu đưa ra cụ thể trong từng giai đoạn phát triển mới đối với kinh tế tư nhân.

5. Những nhiệm vụ và giải pháp lớn

Trên cơ sở kết quả tổng kết, Nghị quyết đề ra 05 nhiệm vụ và giải pháp lớn, trong đó có hơn 30 giải pháp cụ thể để xử lý đồng bộ các điểm nghẽn trong phát triển kinh tế tư nhân, nhằm phát triển mạnh kinh tế tư nhân thực sự trở thành một động lực quan trọng trong nền kinh tế; các giải pháp về cơ chế, chính sách cụ thể, toàn diện và phù hợp với từng chủ thể trong nền kinh tế nói chung và trong khu vực kinh tế tư nhân nói riêng; gắn kết bảo đảm tính định hướng xã hội chủ nghĩa. Đây là hệ thống những nhiệm vụ và giải pháp lớn mới nhằm cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội XII của Đảng và đáp ứng được những yêu cầu phát triển của kinh tế tư nhân trong bối cảnh mới nước ta đang tích cực thực hiện đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế và hoàn thiện thể chế, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Các giải pháp đã đưa ra mang tính đồng bộ, tổng thể, từ nhận thức, tư tưởng cho tới các giải pháp cụ thể như: Thống nhất cao về nhận thức, tư tưởng, hành động trong triển khai các chủ trương, nghị quyết của Đảng về phát triển kinh tế tư nhân; tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi cho phát triển kinh tế tư nhân; hỗ trợ kinh tế tư nhân đổi mới sáng tạo, hiện đại hóa công nghệ và phát triển nguồn nhân lực, nâng cao năng suất lao động; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; đổi mới nội dung, phương thức và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp đối với kinh tế tư nhân.

Trong những nhiệm vụ và giải pháp lớn, nổi bật nhất là 02 nhóm giải pháp mang tính đột phá sau:

(1)- Nhóm giải pháp về tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi cho phát triển kinh tế tư nhân, gồm:

Bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô vững chắc, kiểm soát lạm phát ở mức hợp lý, điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt theo cơ chế thị trường

Nghị quyết nêu rõ: “*Chủ động, linh hoạt điều hành chính sách tiền tệ theo cơ chế thị trường, kiểm soát lạm phát ở mức hợp lý*”

Hoàn thiện cơ chế, chính sách thu hút đầu tư tư nhân và bảo đảm hoạt động của kinh tế tư nhân theo cơ chế thị trường. Thể chế hoá đầy đủ quyền tự do kinh doanh, quyền sở hữu tài sản, các quyền, nghĩa vụ dân sự của các tổ chức, cá nhân và bảo đảm được thực hiện nghiêm minh. Nhà nước tôn trọng, bảo đảm quyền tự do kinh doanh và bảo hộ quyền sở hữu tài sản hợp pháp của các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật. Tăng cường đổi mới và nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả của các thiết chế giải quyết tranh chấp dân sự,

kinh doanh, thương mại, trọng tâm là các hoạt động hoà giải, trọng tài thương mại và toà án nhân dân các cấp, nhất là trong phá sản doanh nghiệp, tố tụng, xét xử và thi hành án để bảo đảm thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ dân sự và bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của người dân và doanh nghiệp. Bảo đảm kỷ luật thị trường. Khuyến khích thành lập doanh nghiệp, phát triển sản xuất kinh doanh của kinh tế tư nhân trong những ngành, lĩnh vực, địa bàn mà pháp luật không cấm; phát huy và nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp nhỏ và vừa, các doanh nghiệp đổi mới sáng tạo và phong trào khởi nghiệp; tạo điều kiện cho các hộ gia đình, cá thể kinh doanh với quy mô ngày càng lớn, hiệu quả cao hơn, chuyển đổi sang hoạt động kinh doanh theo mô hình doanh nghiệp; sớm phát triển các tập đoàn kinh tế tư nhân đa sở hữu có khả năng cạnh tranh ở thị trường trong nước và quốc tế. Bảo đảm các cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển kinh tế tư nhân phải phù hợp với nguyên tắc thị trường và thúc đẩy tính tự chủ, cạnh tranh của kinh tế tư nhân.

Mở rộng khả năng tham gia thị trường và thúc đẩy cạnh tranh bình đẳng. Rà soát, xoá bỏ các cơ chế, chính sách tạo ra bất bình đẳng giữa kinh tế tư nhân và các thành phần kinh tế khác; giữa các chủ thể của kinh tế tư nhân, nhất là trong cạnh tranh và tiếp cận nguồn lực xã hội, các yếu tố sản xuất, cơ hội kinh doanh, tham gia thị trường, mà trọng tâm là đất đai, vốn, nguồn lực của Nhà nước. Tăng cường tính minh bạch đối với độc quyền nhà nước, độc quyền doanh nghiệp và kiểm soát độc quyền kinh doanh; bảo đảm cạnh tranh lành mạnh trên thị trường.

Phát triển kết cấu hạ tầng đầy đủ. Phát triển nhanh hệ thống cơ sở hạ tầng đồng bộ, hiện đại nhằm hỗ trợ sản xuất kinh doanh và tạo điều kiện thuận lợi cho kinh tế tư nhân tiếp cận, sử dụng thuận lợi, bình đẳng với chi phí hợp lý, đồng thời bảo đảm tính công khai, minh bạch.

Tăng cường khả năng tiếp cận các nguồn lực, hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật về đất đai, quản lý tài nguyên và môi trường tạo điều kiện thuận lợi cho kinh tế tư nhân tiếp cận đất đai, các nguồn tài nguyên một cách minh bạch, bình đẳng theo cơ chế thị trường phục vụ sản xuất kinh doanh; cơ cấu lại và phát triển nhanh, an toàn, hiệu quả các thị trường tài chính, nhất là hệ thống các tổ chức tín dụng và thị trường vốn, tạo điều kiện bình đẳng, thuận lợi cho kinh tế tư nhân tiếp cận nguồn vốn; phát triển mạnh mẽ, thông suốt các thị trường hàng hoá, dịch vụ; có cơ chế, chính sách tạo điều kiện để kinh tế tư nhân tích cực tham gia vào quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

(2) Nhóm giải pháp về hỗ trợ kinh tế tư nhân đổi mới sáng tạo, hiện đại hoá công nghệ và phát triển nguồn nhân lực, nâng cao năng suất lao động. Khuyến khích, hỗ trợ kinh tế tư nhân đầu tư vào các hoạt động nghiên cứu và phát triển, ứng dụng và chuyển giao công nghệ tiên tiến; thúc đẩy đổi mới, sáng tạo nhằm nâng cao năng suất lao động. Hoàn thiện pháp luật và thực hiện có hiệu quả các biện pháp, quy định bảo đảm quyền sở hữu trí tuệ, thương hiệu.

Đẩy mạnh thực hiện chiến lược quốc gia về phát triển nguồn nhân lực với hệ thống chính sách, giải pháp đồng bộ. Khuyến khích, động viên và lan tỏa tinh thần, ý chí khởi nghiệp, kinh doanh và đổi mới sáng tạo trong toàn xã hội, nhất là cộng đồng doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, Nghị quyết cũng đề ra các giải pháp quan trọng khác như:

- Khuyến khích các doanh nghiệp của tư nhân đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, nhất là lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao (được lồng ghép trong nhiều nội dung khác nhau của các nhóm giải pháp).

- Các giải pháp cụ thể đối với từng loại đối tượng doanh nghiệp như các doanh nghiệp lớn, các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các doanh nghiệp khởi nghiệp, các doanh nghiệp hoạt động trong khu vực phi chính thức. Tăng cường kết nối, liên kết giữa các doanh nghiệp tư nhân với nhau, doanh nghiệp tư nhân với doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp FDI.

- Nâng cao tính hiệu quả trong hỗ trợ của Nhà nước đối với khu vực kinh tế tư nhân; giảm chi phí cho doanh nghiệp để nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước. Tăng cường đổi mới và nâng cao hiệu quả, tính độc lập của hệ thống toà án nhân dân các cấp, nhất là xét xử và thi hành án dân sự, kinh tế. Có chế tài đủ mạnh để khắc phục tình trạng thực thi chưa nghiêm chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về kinh tế tư nhân. Xoá bỏ mọi biểu hiện lợi ích nhóm trong xây dựng và thực thi pháp luật, cơ chế, chính sách đối với kinh tế tư nhân.

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với phát triển kinh tế tư nhân; hướng dẫn đảng viên làm kinh tế tư nhân; có quy định cụ thể về mô hình, vai trò, phương thức lãnh đạo của Đảng, sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp cho phù hợp với hoạt động của kinh tế tư nhân; đẩy mạnh phát triển Đảng, các đoàn thể trong doanh nghiệp tư nhân; có giải pháp cụ thể hỗ trợ nâng cao hiệu quả hoạt động của hiệp hội ngành nghề.

II- Một số điểm mới của Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 03/6/2017 Hội nghị lần Thứ Năm Ban chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XII) về “Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”

1. Về quan điểm chỉ đạo: Nghị quyết số 11-NQ/TW (khóa XII) và Nghị quyết số 21-NQ/TW (khóa X) đều đưa ra 5 quan điểm chỉ đạo hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, có thể nói Nghị quyết TW5 khóa XII đã thể hiện một tâm nhận thức đầy đủ, toàn diện hơn và nội hàm, quy luật, bước đi, lộ trình của quá trình xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường XHCN; quan điểm chỉ đạo cũng mạnh mẽ hơn, nhấn mạnh hơn yêu cầu hoàn thiện thể chế đối với đổi mới và phát triển kinh tế đất nước; xác định rõ hơn định hướng tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định

hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay và xác định rõ trách nhiệm của cả hệ thống chính trị.

** 5 quan điểm chỉ đạo của Nghị quyết số 11-NQ/TW (khóa XII), đó là:*

1) Xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một nhiệm vụ chiến lược, là khâu đột phá quan trọng, tạo động lực để phát triển nhanh và bền vững; đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá; xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. 2) Nhận thức đầy đủ, tôn trọng và vận dụng đúng đắn các quy luật khách quan của kinh tế thị trường, thông lệ quốc tế, đồng thời bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với điều kiện phát triển của đất nước trong từng giai đoạn. Bảo đảm tính đồng bộ giữa các bộ phận cấu thành của thể chế kinh tế. Gắn kết hài hoà giữa tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, phát triển văn hoá, bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh. 3) Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là quá trình phát triển liên tục; kế thừa có chọn lọc thành tựu phát triển kinh tế thị trường của nhân loại và kinh nghiệm tổng kết từ thực tiễn đổi mới ở nước ta; chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời bảo đảm giữ vững độc lập, chủ quyền quốc gia, an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội. 4) Hoàn thiện thể chế kinh tế đi đôi với hoàn thiện thể chế chính trị mà trọng tâm là đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của tổ chức bộ máy và cán bộ. Có bước đi phù hợp, vững chắc, vừa làm vừa tổng kết, rút kinh nghiệm để tiếp tục hoàn thiện. Xác định rõ và thực hiện đúng vị trí, vai trò, chức năng và mối quan hệ của Nhà nước, thị trường và xã hội phù hợp với kinh tế thị trường; bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa; tăng cường và giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng. 5) Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ quan trọng, vừa cấp bách vừa lâu dài của cả hệ thống chính trị. Đổi mới phương thức, nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, hiệu lực và hiệu quả quản lý của Nhà nước, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị và của toàn xã hội trong quá trình hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

2. Về mục tiêu

a. Mục tiêu tổng quát: Kế thừa những quan điểm quan trọng của các Nghị quyết Đảng trước đó về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Nghị quyết số 11-NQ/TW (khóa XII) xác định: *"Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tạo tiền đề vững chắc cho việc xây dựng thành công và vận hành đồng bộ, thông suốt nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; góp phần huy động và phân bổ, sử dụng có hiệu quả nhất mọi nguồn lực để thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển nhanh và bền vững vì mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh". Hai nội dung được nhấn mạnh trong mục tiêu đó là vận hành thông suốt nền kinh tế thị trường định hướng XHCN và vấn đề huy động, phân bổ, sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực.*

b. Về mục tiêu cụ thể: Trong bối cảnh ra đời Nghị quyết 21-NQ/TW (khóa X), mục tiêu xây dựng hệ thống pháp luật bảo đảm cho nền kinh tế thị trường định hướng XHCN lúc đó đặt ra rất cấp thiết. Với Nghị quyết số 11-NQ/TW (khóa XII) các yêu cầu về sự đồng bộ hơn trong hệ thống thể chế, đáp ứng các chuẩn mực phổ biến của nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế, mối quan hệ giữa thể chế kinh tế và thể chế chính trị, giữa Nhà nước và thị trường ... là những nội dung quan trọng được nhấn mạnh. Mục tiêu cụ thể đến năm 2020 được Nghị quyết số 11-NQ/TW (khóa XII) xác định, đó là: *"Phần đầu hoàn thiện một bước đồng bộ hơn hệ thống thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa theo các chuẩn mực phổ biến của nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế. Cơ bản bảo đảm tính đồng bộ giữa thể chế kinh tế và thể chế chính trị, giữa Nhà nước và thị trường; sự hài hoà giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hoá, phát triển con người, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, bảo vệ môi trường, phát triển xã hội bền vững. Chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế gắn với xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ".* **Mục tiêu đến năm 2030, đó là:** *"Hoàn thiện đồng bộ và vận hành có hiệu quả thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta"*.

3. Về nhiệm vụ, giải pháp

a. Về thống nhất nhận thức: Nhất quán tinh thần Đại hội XII của Đảng, Nghị quyết số 11-NQ/TW (khóa XII) xác định: *"Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa mà nước ta xây dựng là nền kinh tế vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, đồng thời bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước; là nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế; có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, nhằm mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh"*.

Nghị quyết số 11-NQ/TW (khóa XII) đã khái quát làm rõ hơn một bước nội hàm hiện đại và hội nhập quốc tế, định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế nước ta, đó là: *"Tính hiện đại và hội nhập quốc tế của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta thể hiện ở chỗ kế thừa có chọn lọc những thành tựu phát triển kinh tế thị trường của nhân loại, kinh nghiệm tổng kết từ thực tiễn hơn 30 năm đổi mới; có hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách và các yếu tố thị trường, các loại thị trường đầy đủ, đồng bộ, vận hành thông suốt, gắn kết chặt chẽ với các nền kinh tế trên thế giới; vai trò, chức năng của Nhà nước và thị trường được xác định và thực hiện phù hợp với thông lệ, nguyên tắc, chuẩn mực quốc tế phổ biến. Định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế được nhất quán xác lập và tăng cường thông qua sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước, lấy con người làm trung tâm, vì mọi người và do con người; phát huy đầy đủ vai trò làm chủ của nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển"*.

Kế thừa quan điểm Đại hội XII của Đảng về vai trò của các thành phần kinh tế trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Nghị quyết số 11-NQ/TW (khóa XII) tiếp tục xác định: *"kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng của nền kinh tế. Kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể cùng với kinh tế tư nhân là nòng cốt để phát triển một nền kinh tế độc lập, tự chủ"*.

Nghị quyết số 11-NQ/TW (khóa XII) đã xác định rõ hơn vai trò, vị trí, chức năng và mối quan hệ giữa Nhà nước và thị trường; nguyên tắc huy động và phân bổ các nguồn lực xã hội, theo đó: *"Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Nhà nước đóng vai trò định hướng, xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế; tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng, minh bạch và lành mạnh; sử dụng các công cụ, chính sách và các nguồn lực của Nhà nước để định hướng và điều tiết nền kinh tế, thúc đẩy sản xuất, kinh doanh và bảo vệ tài nguyên, môi trường; phát triển các lĩnh vực văn hoá, xã hội. Thị trường đóng vai trò chủ yếu trong huy động và phân bổ có hiệu quả các nguồn lực, là động lực chủ yếu để giải phóng sức sản xuất; các nguồn lực nhà nước được phân bổ theo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phù hợp với cơ chế thị trường"*.

b. Về nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa: Nghị quyết số 21-NQ/TW (khóa X) đề xuất 5 nhóm chủ trương, giải pháp với 27 giải pháp cụ thể. Nghị quyết số 11-NQ/TW (khóa XII) đề xuất 6 nhóm nhiệm vụ, giải pháp lớn với 44 giải pháp cụ thể; 5 nhiệm vụ cần tập trung chỉ đạo thực hiện:

- **6 nhóm giải pháp của Nghị quyết số 11-NQ/TW (khóa XII)**, đó là: 1) Thống nhất nhận thức về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta. 2) Tiếp tục hoàn thiện thể chế về sở hữu, phát triển các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp. 3) Hoàn thiện thể chế phát triển đồng bộ các yếu tố thị trường và các loại thị trường. 4) Hoàn thiện thể chế gắn kết tăng trưởng kinh tế với bảo đảm phát triển bền vững, tiến bộ và công bằng xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu. 5) Hoàn thiện thể chế đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế. 6) Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, vai trò xây dựng và thực hiện thể chế kinh tế của Nhà nước; phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Trong 44 giải pháp cụ thể, có một số giải pháp mới, nổi bật, như:

+ Có giải pháp về hoàn thiện thể chế gắn kết tăng trưởng kinh tế với bảo đảm phát triển bền vững, tiến bộ và công bằng xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu; có giải pháp về hoàn thiện thể chế đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế (những giải pháp này không có trong Nghị quyết số 21-NQ/TW).

+ Về hoàn thiện thể chế sở hữu, Nghị quyết số 11-NQ/TW đã chỉ đạo tập trung hoàn thiện pháp luật về đổi mới quản lý, nâng cao hiệu lực quản lý và hiệu quả sử dụng đất đai, tài nguyên thiên nhiên và các loại tài sản công, nhất là tài

sản và vốn đầu tư của nhà nước tại doanh nghiệp. Tạo thuận lợi cho việc chuyển nhượng hoặc cho thuê quyền sử dụng đất, góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất; hỗ trợ tích tụ, tập trung ruộng đất để phát triển công nghiệp, dịch vụ ở nông thôn và nông nghiệp hàng hoá quy mô lớn, công nghệ cao, gắn với bảo đảm việc làm và thu nhập bền vững của nông dân, giữ vững ổn định chính trị - xã hội ở nông thôn.

+ Về hoàn thiện thể chế phát triển các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp, bên cạnh tiếp tục hoàn thiện các thể chế thúc đẩy khởi nghiệp, bảo đảm quyền tự do kinh doanh, cạnh tranh bình đẳng, Nghị quyết số 11-NQ/TW còn yêu cầu xây dựng thể chế tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy phát triển doanh nghiệp và đội ngũ doanh nhân Việt Nam thật sự trở thành lực lượng nòng cốt, đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế, bảo đảm tính độc lập, tự chủ của nền kinh tế.

+ Về thể chế phát triển đồng bộ các yếu tố thị trường và các loại thị trường, ngoài việc tiếp tục hoàn thiện thể chế phát triển thị trường hàng hóa, dịch vụ, Nghị quyết số 11-NQ/TW đề xuất các giải pháp cụ thể phát triển và hoàn thiện thị trường các yếu tố sản xuất, chú trọng hoàn thiện pháp luật hỗ trợ và thúc đẩy cơ cấu lại thị trường tài chính. Hoàn thiện pháp luật về thuế tài sản, nhất là về đất đai, bất động sản. Bảo đảm minh bạch thông tin về thị trường quyền sử dụng đất. Xác định giá trị quyền sử dụng đất theo cơ chế thị trường thông qua đấu giá, đấu thầu các dự án có sử dụng đất, thoả thuận mua bán trên thị trường; áp dụng phổ biến việc xác định giá trị quyền sử dụng đất thông qua các tổ chức thẩm định giá độc lập, chuyên nghiệp. Rà soát, điều chỉnh khung giá quyền sử dụng đất phù hợp với thị trường ở từng địa phương. Tăng cường áp dụng phương thức cho thuê đất.

+ Về nâng cao năng lực lãnh đạo, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với việc hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Nghị quyết số 11-NQ/TW đã nhấn mạnh phải *"Đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng về kinh tế - xã hội. Nâng cao năng lực hoạch định đường lối, chủ trương phát triển kinh tế - xã hội của Đảng. Tăng cường lãnh đạo việc thể chế hoá và tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về kinh tế - xã hội. Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận và xây dựng, ban hành nghị quyết của Đảng về kinh tế - xã hội. Đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy và phương thức hoạt động của Đảng, đáp ứng yêu cầu lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội; nâng cao hiệu quả hoạt động của cả hệ thống chính trị. Đổi mới phương thức đánh giá, tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí cán bộ và lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện của đội ngũ cán bộ hoạt động trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh đẩy lùi tham nhũng, suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" của đội ngũ cán bộ, công chức, nhất là người đứng đầu. Tăng cường công tác kiểm tra,*

giám sát, sơ kết, tổng kết; kịp thời phát hiện và giải quyết đúng đắn những vấn đề lớn, quan trọng, phức tạp về kinh tế - xã hội của đất nước”.

+ Về nâng cao năng lực, vai trò xây dựng và thực hiện thể chế của Nhà nước, Nghị quyết số 11-NQ/TW đã chỉ rõ: *“Đổi mới phương thức quản lý nhà nước về kinh tế; thực hiện đúng đắn và đầy đủ chức năng của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường. Điều hành nền kinh tế không chỉ bảo đảm mục tiêu ngắn hạn mà còn hướng tới thực hiện các mục tiêu trung và dài hạn. Nâng cao năng lực phân tích, dự báo, nhất là dự báo chiến lược. Đổi mới căn bản và toàn diện công tác xây dựng và thực hiện các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đầu tư công và tài chính công thực sự theo cơ chế thị trường, khắc phục tình trạng “xin - cho”, chủ quan, duy ý chí. Đổi mới công tác thống kê phù hợp với chuẩn mực quốc tế. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán và thực thi pháp luật..”*

+ Về phát huy vai trò làm chủ của nhân dân, sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp, Nghị quyết số 11-NQ/TW đã chỉ rõ: *“Thể chế hoá các quy định của Hiến pháp về quyền con người, quyền công dân, quyền và nghĩa vụ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp. Bảo đảm mọi người đều được bình đẳng trong tiếp cận các cơ hội và điều kiện phát triển, được tham gia và hưởng lợi từ quá trình phát triển”.*

- So với Nghị quyết số 21-NQ/TW (khóa X), xuất phát từ quan điểm coi xây dựng và hoàn thiện thể chế là một nhiệm vụ chiến lược, là khâu đột phá quan trọng tạo động lực để phát triển kinh tế nhanh và bền vững, Nghị quyết số 11-NQ/TW (khóa XII) đã đề xuất 5 nhiệm vụ quan trọng cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện trong giai đoạn từ nay đến năm 2020. Đây có thể coi là những giải pháp đột phá của Nghị quyết TW5 khóa XII hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay.

Đó là: 1) Hoàn thiện thể chế về huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực và thể chế về phân phối kết quả làm ra để giải phóng sức sản xuất, tạo động lực và nguồn lực cho tăng trưởng, phát triển, bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội, quốc phòng, an ninh. 2) Hoàn thiện thể chế về cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; có chính sách đột phá tháo gỡ những vướng mắc, tạo thuận lợi hỗ trợ doanh nghiệp phát triển trên cơ sở đẩy mạnh đồng bộ cải cách hành chính và cải cách tư pháp. Xây dựng thể chế làm căn cứ xử lý dứt điểm, hiệu quả các tồn tại, yếu kém đã tích tụ trong nền kinh tế nhiều năm qua, đặc biệt là việc xử lý các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước, các dự án, công trình đầu tư công không hiệu quả, thua lỗ kéo dài; cơ cấu lại các tổ chức tín dụng yếu kém gắn với xử lý nợ xấu. 3) Hoàn thiện thể chế về phát triển, ứng dụng khoa học - công nghệ, giáo dục - đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao, tranh thủ những cơ hội và thành tựu của Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4, đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất lao động, chất lượng và sức cạnh tranh của nền kinh tế. 4) Nâng cao hiệu lực, hiệu quả

quản lý nền kinh tế và năng lực kiến tạo sự phát triển của Nhà nước, đặc biệt là năng lực, hiệu quả thể chế hoá đường lối, chủ trương của Đảng và tổ chức thực hiện luật pháp, chính sách của Nhà nước. 5) Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, hoàn thiện thể chế kiểm soát quyền lực, tinh giản bộ máy, biên chế, xây dựng đội ngũ cán bộ có năng lực, phẩm chất đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của toàn hệ thống chính trị.

III- Một số điểm mới của Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 03/6/2017 Hội nghị lần Thứ Năm Ban chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XII) về “Tiếp tục đổi mới, cơ cấu lại và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước”

1. Về khái niệm doanh nghiệp Nhà nước

Nghị quyết số 12-NQ/TW (khóa XII) đã xác định nội hàm rõ doanh nghiệp nhà nước để thống nhất cách hiểu “*Doanh nghiệp nhà nước là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc giữ cổ phần, vốn góp chi phối, tổ chức và hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần hoặc công ty trách nhiệm hữu hạn*”. Vậy phạm vi bao quát không chỉ ở một số ít doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ mà còn bao gồm một số lượng rất lớn doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ cổ phần, vốn góp chi phối, phù hợp với thực tiễn trong nước và thông lệ quốc tế. Khái niệm này kế thừa Nghị quyết Trung ương 3 (khóa IX), nhưng có bổ sung hơn so với Luật Doanh nghiệp 2014 (*Doanh nghiệp nhà nước là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ*). Hiện nay, vốn và tài sản nhà nước tại các doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước rất lớn và Nhà nước có vai trò quan trọng trong định hướng phát triển các doanh nghiệp này, vì vậy rất cần sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước đối với các doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước.

2. Về vị trí và vai trò của doanh nghiệp nhà nước

- Trong Nghị quyết Trung ương 3 (khóa IX) xác định: “*doanh nghiệp nhà nước là lực lượng nòng cốt đẩy nhanh tăng trưởng kinh tế và tạo nền tảng cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa*”; “*doanh nghiệp nhà nước giữ vị trí then chốt trong nền kinh tế, làm công cụ vật chất quan trọng để Nhà nước định hướng và điều tiết vĩ mô, làm lực lượng nòng cốt, góp phần chủ yếu để kinh tế nhà nước thực hiện vai trò chủ đạo trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, là chủ lực trong hội nhập kinh tế quốc tế*”.

- Nghị quyết số 12-NQ/TW (khóa XII) nêu bật hơn vai trò của Doanh nghiệp Nhà nước theo tinh thần cụ thể hóa quan điểm của Đại hội XII: *Doanh nghiệp nhà nước giữ vị trí then chốt và là một lực lượng vật chất quan trọng của kinh tế nhà nước, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội; doanh nghiệp nhà nước thực hiện vai trò dẫn dắt phát triển các doanh nghiệp thuộc thành phần kinh tế khác, bảo đảm doanh nghiệp Việt Nam thật sự trở thành lực lượng nòng cốt trong phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện*

công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế.

3. Về phạm vi ngành, lĩnh vực hoạt động

Nghị quyết số 12-NQ/TW (khóa XII) đề ra chủ trương tiếp tục thu hẹp phạm vi ngành, lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp nhà nước, cụ thể là: *Doanh nghiệp nhà nước tập trung vào những lĩnh vực then chốt, thiết yếu; những địa bàn quan trọng và quốc phòng, an ninh; những lĩnh vực mà doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác không đầu tư.*

Trong khi đó, Nghị quyết Trung ương 3 (khóa IX) xác định: *“Kiên quyết điều chỉnh cơ cấu để doanh nghiệp nhà nước có cơ cấu hợp lý, tập trung vào những ngành, lĩnh vực then chốt và địa bàn quan trọng, chiếm thị phần đủ lớn đối với các sản phẩm và dịch vụ chủ yếu; không nhất thiết phải giữ tỉ trọng lớn trong tất cả các ngành, lĩnh vực, sản phẩm của nền kinh tế”.*

Như vậy, phạm vi ngành, lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp nhà nước đã được xác định rõ hơn so với Nghị quyết Trung ương 3 (khóa IX) và phù hợp hơn với vai trò của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

4. Về cơ chế hoạt động, tiêu chí đánh giá hiệu quả doanh nghiệp nhà nước

- Nghị quyết số 12-NQ/TW (khóa XII) xác định quan điểm: *Doanh nghiệp nhà nước hoạt động theo cơ chế thị trường, lấy hiệu quả kinh tế làm tiêu chí đánh giá chủ yếu, tự chủ, tự chịu trách nhiệm, cạnh tranh bình đẳng với doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác theo quy định của pháp luật. Bảo đảm công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình của doanh nghiệp nhà nước. Tách bạch nhiệm vụ của doanh nghiệp nhà nước sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ thông thường và nhiệm vụ của doanh nghiệp nhà nước sản xuất, cung cấp hàng hoá, dịch vụ công ích.*

Quan điểm này cụ thể hóa chủ trương của Đảng trong Đại hội XII *“Mọi doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế đều phải hoạt động theo cơ chế thị trường, bình đẳng cạnh tranh theo pháp luật”; “Tách bạch nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và nhiệm vụ chính trị, công ích”.*

- Nghị quyết số 12-NQ/TW (khóa XII) đề xuất giải pháp đổi mới cơ chế, chính sách để doanh nghiệp nhà nước thật sự vận hành theo cơ chế thị trường:

+ Doanh nghiệp nhà nước tham gia thực hiện nhiệm vụ chính trị, xã hội do Nhà nước giao thực hiện theo cơ chế Nhà nước đặt hàng, lựa chọn cạnh tranh, công khai và xác định rõ giá thành, chi phí thực hiện, trách nhiệm và quyền lợi của Nhà nước, doanh nghiệp nhà nước để bảo đảm không làm giảm hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước.

+ Quan hệ kinh tế, tài chính giữa Nhà nước và doanh nghiệp nhà nước, nhất là các quyền và nghĩa vụ phải được thực hiện đầy đủ, minh bạch theo quy định của pháp luật, phù hợp với cơ chế thị trường.

+ Xoá bỏ các cơ chế can thiệp hành chính trực tiếp, bao cấp dành cho doanh nghiệp nhà nước, đối xử bất bình đẳng với doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác, nhất là trong tiếp cận các nguồn lực nhà nước, tín dụng, đất đai, tài nguyên, cơ hội đầu tư, kinh doanh, tài chính, thuế,...

+ Phát huy vai trò mở đường, dẫn dắt của doanh nghiệp nhà nước trong việc hình thành và mở rộng các chuỗi sản xuất, cung ứng và chuỗi giá trị trong nước, khu vực và thế giới. Hạn chế tình trạng sản xuất kinh doanh khép kín, cục bộ, không minh bạch trong doanh nghiệp nhà nước, đặc biệt là trong các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước.

Nhìn chung, đổi mới cơ chế, chính sách hoạt động của doanh nghiệp nhà nước theo Nghị quyết này là hướng tới bảo đảm đối xử bình đẳng giữa doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác, bảo đảm quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của doanh nghiệp nhà nước, quan hệ giữa nhà nước và doanh nghiệp nhà nước "sòng phẳng" và rõ ràng hơn theo cơ chế thị trường nhằm bảo đảm hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước.

Nghị quyết Trung ương 3 (khóa IX) xác định: *Doanh nghiệp tự chủ quyết định kinh doanh theo quan hệ cung cầu trên thị trường phù hợp với mục tiêu thành lập và điều lệ hoạt động. Xoá bỏ bao cấp đối với doanh nghiệp. Thực hiện chính sách ưu đãi đối với các ngành, vùng, các sản phẩm và dịch vụ cần ưu tiên hoặc khuyến khích phát triển, không phân biệt thành phần kinh tế. Việc xem xét, đánh giá hiệu quả của doanh nghiệp nhà nước phải có quan điểm toàn diện cả về kinh tế, chính trị, xã hội; trong đó, lấy suất sinh lời trên vốn làm một trong những tiêu chuẩn chủ yếu để đánh giá hiệu quả của doanh nghiệp kinh doanh, lấy kết quả thực hiện các chính sách xã hội làm tiêu chuẩn chủ yếu để đánh giá hiệu quả của doanh nghiệp công ích. Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý để doanh nghiệp nhà nước kinh doanh tự chủ, tự chịu trách nhiệm, hợp tác và cạnh tranh bình đẳng với doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác theo pháp luật. Bảo hộ cần thiết, có điều kiện đối với những ngành, lĩnh vực, sản phẩm quan trọng. Thực hiện độc quyền nhà nước trong lĩnh vực cần thiết, nhưng không biến độc quyền nhà nước thành độc quyền doanh nghiệp. Xoá bao cấp, đồng thời có chính sách đầu tư đúng đắn và hỗ trợ phù hợp đối với những ngành, lĩnh vực, sản phẩm cần ưu tiên phát triển.*

5. Về định hướng cơ cấu lại

- Nghị quyết số 12-NQ/TW (khóa XII) xác định quan điểm: *Cơ cấu lại, đổi mới doanh nghiệp nhà nước theo cơ chế thị trường là quá trình thường xuyên, liên tục với phương thức thực hiện và lộ trình hợp lý. Tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước theo hướng kiên quyết cổ phần hoá, bán vốn tại những doanh nghiệp mà Nhà nước không cần nắm hoặc không cần giữ cổ*

phần, vốn góp chi phối, kể cả những doanh nghiệp đang kinh doanh có hiệu quả; đồng thời xử lý triệt để, bao gồm cả việc cho phá sản các doanh nghiệp nhà nước yếu kém.

Quan điểm này thể hiện việc cơ cấu lại, đổi mới doanh nghiệp nhà nước là một quá trình thường xuyên, liên tục không chỉ nhằm xử lý những hạn chế, yếu kém hiện nay mà còn để doanh nghiệp nhà nước đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện được vị trí, vai trò của doanh nghiệp nhà nước đã nêu và tiếp tục thu hẹp số lượng doanh nghiệp nhà nước để tập trung vào 3 ngành, lĩnh vực đã được Đại hội XII của Đảng xác định. Quan điểm này cho thấy sự quyết tâm cao của Đảng trong việc đổi mới, cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước, nhất là cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước.

Trong khi đó, Nghị quyết Trung ương 3 (khóa IX) xác định: “*Chuyển doanh nghiệp nhà nước sang hoạt động theo chế độ công ty; đẩy mạnh cổ phần hóa những doanh nghiệp nhà nước mà Nhà nước không cần giữ 100% vốn, xem đó là khâu quan trọng để tạo chuyển biến cơ bản trong việc nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước*”.

- Về cổ phần hóa doanh nghiệp, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Nghị quyết số 12-NQ/TW (khóa XII) có một số điểm mới để giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn mà Nghị quyết Trung ương 3 (khóa IX) chưa đề cập tới:

+ Giảm tỉ lệ sở hữu nhà nước xuống mức đủ để thay đổi quản trị một cách thực chất và thu hút nhà đầu tư có năng lực thực sự; tối đa hoá giá trị bán vốn nhà nước theo cơ chế thị trường.

+ Rà soát, đánh giá toàn diện thực trạng và phân loại các doanh nghiệp nhà nước, dự án, công trình đầu tư và vốn, tài sản nhà nước tại doanh nghiệp để có giải pháp cơ cấu lại, xử lý phù hợp. Kiên quyết xử lý dứt điểm các doanh nghiệp nhà nước, các dự án đầu tư thua lỗ, kém hiệu quả. Đối với doanh nghiệp mà Nhà nước không cần nắm giữ cổ phần, vốn góp chi phối hoặc không cần nắm giữ cổ phần, vốn góp thì thực hiện cổ phần hoá, bán, khoán, cho thuê, giải thể, phá sản. Đối với những doanh nghiệp mà Nhà nước cần nắm giữ 100% vốn hoặc cần nắm giữ cổ phần, vốn góp chi phối thì cơ cấu lại bằng cơ chế, chính sách phù hợp. Đối với những dự án đầu tư thua lỗ, thực hiện cơ cấu lại và chuyển nhượng dự án cho nhà đầu tư thuộc thành phần kinh tế khác. Làm rõ trách nhiệm và xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật những vi phạm của các tổ chức, cá nhân liên quan để xảy ra tình trạng doanh nghiệp nhà nước, dự án đầu tư thua lỗ, thất thoát, lãng phí lớn.

+ Khuyến khích, thu hút các nhà đầu tư chiến lược tham gia mua cổ phần, góp vốn vào doanh nghiệp khi cổ phần hoá, thoái vốn nhà nước. Hoàn thiện tiêu chí cổ đông lớn, cổ đông chiến lược có đủ năng lực tài chính, công nghệ và quản trị để cơ cấu lại và phát triển doanh nghiệp.

+ Đẩy mạnh thoái vốn đầu tư ngoài ngành, lĩnh vực kinh doanh chính, kiên quyết khắc phục tình trạng đầu tư phân tán, dàn trải. Cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước trên cơ sở nhiệm vụ được giao, ngành, nghề kinh doanh chính, khai thác tối đa tiềm năng, thế mạnh; triệt để tiết kiệm chi phí; nâng cao chất lượng hàng hoá, dịch vụ, uy tín và thương hiệu trên thị trường.

+ Sử dụng có hiệu quả chính sách thuế, phí gắn với nâng cao hiệu quả công tác quy hoạch đất đai một cách ổn định. Tăng cường quản lý, kiểm soát chặt chẽ, bảo đảm nhà đầu tư thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính với Nhà nước trong việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất sau cổ phần hoá.

+ Tiền thu từ cổ phần hoá, thoái vốn nhà nước được quản lý tập trung và chỉ sử dụng cho các mục đích chi đầu tư phát triển; không sử dụng cho chi thường xuyên của ngân sách nhà nước.

+ Đối với các doanh nghiệp nhà nước đang được giao quản lý, khai thác các công trình, dự án kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư có ý nghĩa quan trọng về kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, khi cổ phần hoá, Nhà nước tiến hành kiểm soát theo nguyên tắc: Nhà nước thống nhất sở hữu các công trình hạ tầng quan trọng; doanh nghiệp cổ phần hoá, nhà đầu tư nhận quyền khai thác chỉ được quyền quản lý, vận hành, khai thác các công trình, dự án kết cấu hạ tầng; việc lựa chọn nhà đầu tư, doanh nghiệp phải thực hiện theo Luật Đấu thầu, công khai, minh bạch; bảo đảm quốc phòng, an ninh và bảo vệ chủ quyền quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ.

+ Tăng cường đầu tư, nâng cao năng lực của doanh nghiệp nhà nước về đổi mới sáng tạo, nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học, công nghệ, kỹ thuật sản xuất hiện đại, sử dụng tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường, coi đây là yếu tố quyết định nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của doanh nghiệp nhà nước.

6. Về phương pháp xác định giá trị doanh nghiệp và bán cổ phần

Nghị quyết số 12-NQ/TW (khóa XII) đề ra một số giải pháp nhằm xác định giá trị hợp lý giá trị doanh nghiệp, vốn và tài sản nhà nước, đồng thời hạn chế tình trạng thất thoát trong cổ phần hoá, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp:

- Bảo đảm công khai, minh bạch trong cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước, nhất là trong cổ phần hoá và thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Áp dụng các phương pháp định giá tài sản tiên tiến phù hợp với cơ chế thị trường; bảo đảm vốn, tài sản của Nhà nước và giá trị doanh nghiệp được định giá đầy đủ, hợp lý, công khai, minh bạch. Hoàn thiện thể chế về định giá đất đai, tài sản hữu hình và tài sản vô hình (tài sản trí tuệ, thương hiệu,...) trong cổ phần hoá theo cơ chế thị trường. Quy định rõ trách nhiệm của tổ chức tư vấn định giá độc lập trong định giá tài sản, vốn và xác định giá trị doanh nghiệp. Xác định rõ trách nhiệm của Kiểm toán Nhà nước trong việc kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp, định giá tài sản, vốn nhà nước.

Đây là điểm mới so với Nghị quyết Trung ương 3 (khóa IX) đã nêu *"Sửa đổi phương pháp xác định giá trị doanh nghiệp theo hướng gắn với thị trường; nghiên cứu đưa giá trị quyền sử dụng đất vào giá trị doanh nghiệp, thí điểm đấu thầu bán cổ phiếu và bán cổ phiếu qua các định chế tài chính trung gian"*.

- Trên cơ sở giá trị vốn, tài sản của Nhà nước và giá trị doanh nghiệp đã được xác định đầy đủ, hợp lý và theo quy định của pháp luật, khẩn trương bán cổ phần, thoái vốn một cách công khai, minh bạch, chủ yếu thông qua bán đấu giá cạnh tranh trên thị trường. Cổ phần hoá phải gắn với niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán. Các doanh nghiệp cổ phần hoá phải niêm yết trong thời hạn một năm kể từ ngày phát hành cổ phiếu lần đầu. Các doanh nghiệp cổ phần hoá chưa đáp ứng đầy đủ các điều kiện niêm yết cổ phiếu theo quy định của pháp luật thì phải lập và triển khai kế hoạch niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán trong thời hạn xác định theo quy định.

- Nghiêm cấm và xử lý nghiêm minh các trường hợp định giá thấp tài sản, vốn của Nhà nước và giá trị doanh nghiệp không đúng quy định của pháp luật để trục lợi, gây thất thoát tài sản, vốn nhà nước.

7. Về đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống quản trị và nâng cao năng lực, phẩm chất của đội ngũ cán bộ quản lý doanh nghiệp nhà nước

Quản trị và công tác cán bộ là một trong những khâu yếu nhất của doanh nghiệp nhà nước. Tuy nhiên, trong Nghị quyết Trung ương 3 (khóa IX) cũng không nêu định hướng cụ thể về đổi mới quản trị doanh nghiệp nhà nước. Vì vậy, để khắc phục những hạn chế, yếu kém về quản trị và cán bộ lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp nhà nước, đồng thời cụ thể hoá chủ trương tại Đại hội XII của Đảng *"Kiện toàn đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý và nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp nhà nước phù hợp với chuẩn mực quốc tế"*, Nghị quyết số 12-NQ/TW (khóa XII) lần này, đã xác định mục tiêu đến năm 2030 doanh nghiệp nhà nước đáp ứng đầy đủ các chuẩn mực quốc tế về quản trị doanh nghiệp và đưa ra một số giải pháp cụ thể như sau:

- Xây dựng và áp dụng khung quản trị doanh nghiệp phù hợp với chuẩn mực quốc tế tại các doanh nghiệp nhà nước, nhất là đối với các tập đoàn, tổng công ty nhà nước; đi đôi với đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực quản trị, điều hành và phẩm chất đạo đức của cán bộ, tạo lập môi trường quản trị doanh nghiệp lành mạnh, hiệu quả.

- Kiên quyết đấu tranh và thiết lập các hệ thống quản trị, kiểm soát nội bộ có hiệu quả trong việc phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật, xung đột lợi ích; tình trạng cán bộ lãnh đạo, quản lý của doanh nghiệp nhà nước móc ngoặc với cán bộ, công chức nhà nước và khu vực kinh tế tư nhân để hình thành "nhóm lợi ích", "sân sau", lạm dụng chức vụ, quyền hạn thao túng hoạt động của doanh nghiệp nhà nước, trục lợi cá nhân, tham nhũng, lãng phí, gây tổn hại cho Nhà nước và doanh nghiệp.

- Xác định rõ nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của các chức danh quản lý trong hệ thống quản trị của doanh nghiệp nhà nước; bảo đảm trách nhiệm đi đôi với quyền hạn.

Ban kiểm soát, kiểm soát viên phải thực sự là công cụ giám sát hữu hiệu của chủ sở hữu, hoạt động độc lập và không chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo hoặc chi phối về lợi ích của hội đồng thành viên, hội đồng quản trị và ban điều hành doanh nghiệp. Tổng giám đốc và các thành viên ban điều hành doanh nghiệp nhà nước do hội đồng thành viên, hội đồng quản trị bổ nhiệm, thuê và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật và hợp đồng lao động.

- Hoàn thiện các hệ thống khuyến khích, đòn bẩy kinh tế đi đôi với nâng cao trách nhiệm, kỷ luật, kỷ cương trong doanh nghiệp nhà nước. Thực hiện chế độ tiền lương, tiền thưởng, thù lao của người lao động và người quản lý doanh nghiệp nhà nước phù hợp với cơ chế thị trường, có tính cạnh tranh cao trên cơ sở kết quả sản xuất, kinh doanh. Áp dụng hệ thống đánh giá hiệu quả lao động đối với từng vị trí việc làm để xác định mức độ hoàn thành, năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc, làm cơ sở trả lương, đào tạo, bồi dưỡng, sắp xếp, bố trí và đề bạt cán bộ.

- Thực hiện việc tách người quản lý doanh nghiệp nhà nước khỏi chế độ viên chức, công chức. Triển khai rộng rãi cơ chế tuyển dụng, bổ nhiệm qua thi tuyển cạnh tranh, công khai, minh bạch đối với tất cả các chức danh quản lý, điều hành và các vị trí công việc khác trong doanh nghiệp.

- Sắp xếp, tinh gọn và nâng cao hiệu quả tổ chức bộ máy, biên chế của doanh nghiệp nhà nước; cơ cấu lại, bố trí hợp lý đội ngũ cán bộ; tăng cường bồi dưỡng, đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, năng lực lãnh đạo và tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của cán bộ doanh nghiệp nhà nước; có cơ chế, chính sách thu hút và sử dụng có hiệu quả lao động trình độ cao. Xây dựng chiến lược phát triển đội ngũ cán bộ lãnh đạo của doanh nghiệp nhà nước. Rà soát, nâng cao tiêu chuẩn, điều kiện về phẩm chất đạo đức, năng lực lãnh đạo, quản lý và chuyên môn nghiệp vụ đối với người quản lý doanh nghiệp nhà nước.

- Bảo đảm tính minh bạch, công khai của doanh nghiệp nhà nước và trách nhiệm giải trình của người quản lý doanh nghiệp, đặc biệt là về tài chính, đầu tư, mua sắm, sử dụng vốn của Nhà nước, chi phí, kết quả kinh doanh, phân phối lợi nhuận, công tác cán bộ, các giao dịch lớn, giao dịch với người có liên quan đến người quản lý, tài sản và thu nhập của người quản lý theo các chuẩn mực quốc tế và quy định của pháp luật. Hoàn thiện chế độ kế toán, kiểm toán và hệ thống báo cáo tài chính phù hợp với chuẩn mực quốc tế.

Giải pháp này đã cụ thể hoá chủ trương của Đảng trong Đại hội XII “bảo đảm công khai, minh bạch về đầu tư, tài chính và các hoạt động của doanh nghiệp”.

8. Về quản lý nhà nước và thực hiện chức năng chủ sở hữu đối với doanh nghiệp nhà nước

- Nghị quyết số 12-NQ/TW (khóa XII) có quan điểm: *Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, giám sát, kiểm tra, kiểm soát đối với hoạt động của doanh nghiệp nhà nước; không để xảy ra thất thoát, lãng phí vốn, tài sản nhà nước. Tách bạch, phân định rõ chức năng chủ sở hữu tài sản, vốn của Nhà nước với chức năng quản lý nhà nước đối với mọi loại hình doanh nghiệp, chức năng quản trị kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, năng lực quản trị, phẩm chất đạo đức để kiện toàn đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp nhà nước.*

Quan điểm này mới so với Nghị quyết Trung ương 3 (khóa IX) và xuất phát từ thực tế yếu kém, hạn chế của công tác quản lý, thanh tra, giám sát, kiểm tra, kiểm soát đối với doanh nghiệp nhà nước và phẩm chất, trình độ, năng lực quản lý của cán bộ lãnh đạo, quản lý của doanh nghiệp nhà nước. Đồng thời, Nghị quyết số 12-NQ/TW (khóa XII) đã chú trọng đến việc tách bạch 3 chức năng quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, chức năng chủ sở hữu tài sản, vốn của Nhà nước và chức năng quản trị kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước theo đúng tinh thần Đại hội XII của Đảng. Trong khi, Nghị quyết Trung ương 3 (khóa IX) mới chỉ đề cập phân biệt chức năng của cơ quan đại diện chủ sở hữu của nhà nước với chức năng điều hành sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Đại hội XII của Đảng có chủ trương: *"Tách chức năng chủ sở hữu tài sản, vốn của Nhà nước và chức năng quản lý nhà nước, chức năng quản trị kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước; sớm xóa bỏ chức năng đại diện chủ sở hữu nhà nước của các bộ, ủy ban nhân dân đối với vốn, tài sản nhà nước tại các doanh nghiệp. Thành lập một cơ quan chuyên trách làm đại diện chủ sở hữu đối với doanh nghiệp nhà nước"*.

- Nghị quyết số 12-NQ/TW (khóa XII) đã xác định rõ lộ trình thành lập một cơ quan chuyên trách làm đại diện chủ sở hữu đối với doanh nghiệp nhà nước và cổ phần, vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp chậm nhất đến năm 2018.

- Nghị quyết số 12-NQ/TW (khóa XII) đã đề ra một số giải pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước như sau:

+ Rà soát, hoàn thiện hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách về doanh nghiệp nhà nước.

+ Nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước; phòng ngừa, phát hiện và xử lý nghiêm những hành vi vi phạm pháp luật, tiêu cực, tham nhũng, lãng phí trong doanh nghiệp nhà nước. Quy định rõ trách nhiệm của các cơ quan thanh tra, cơ quan kiểm toán về kết quả thanh tra, kiểm toán đối với doanh nghiệp nhà nước. Hoàn thiện hệ thống giám sát, tiêu chí đánh

giá mức độ an toàn, hiệu quả hoạt động, xếp loại doanh nghiệp nhà nước và người đại diện chủ sở hữu cổ phần, vốn góp của Nhà nước. Xây dựng và phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia thống nhất, đồng bộ về doanh nghiệp nhà nước và vốn, tài sản của Nhà nước tại doanh nghiệp.

+ Tăng cường công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các kế hoạch, phương án cổ phần hoá, thoái vốn nhà nước đã được phê duyệt. Đề cao trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương, tổ chức, cá nhân đại diện chủ sở hữu nhà nước, nhất là người đứng đầu trong việc thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, kế hoạch, phương án cơ cấu lại, đổi mới doanh nghiệp nhà nước.

+ Nhà nước thực hiện đầy đủ trách nhiệm của chủ sở hữu đối với doanh nghiệp nhà nước, cổ phần, vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp; thực sự đóng vai trò là nhà đầu tư, chủ sở hữu, bình đẳng về quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm với các nhà đầu tư khác trong doanh nghiệp. Bảo đảm quyền tự chủ trong hoạt động của doanh nghiệp nhà nước theo nguyên tắc thị trường. Tôn trọng tính độc lập trong việc thực hiện quyền và trách nhiệm của hội đồng thành viên, hội đồng quản trị, chủ tịch hội đồng thành viên, chủ tịch hội đồng quản trị, tổng giám đốc, ban điều hành doanh nghiệp nhà nước để hoạt động và quản trị của doanh nghiệp nhà nước được thực hiện một cách minh bạch, giải trình, chuyên nghiệp, hiệu quả cao.

+ Khẩn trương thành lập một cơ quan chuyên trách của Nhà nước làm đại diện chủ sở hữu đối với doanh nghiệp nhà nước theo hướng: (1) Thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước, cổ phần, vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp; (2) Phê duyệt và giám sát việc thực hiện các chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành; (3) Phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện đúng quy định của pháp luật về công tác tổ chức - cán bộ tại doanh nghiệp.

Nghị quyết số 12-NQ/TW (khóa XII) đưa ra các giải pháp định hướng tách bạch rõ chức năng quản lý nhà nước và chức năng chủ sở hữu nhà nước, trong đó nêu rõ trách nhiệm của Nhà nước. Trong việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước, Nghị quyết chú trọng đến việc hoàn thiện hệ thống pháp luật, nâng cao hiệu lực, hiệu quả thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, giám sát. Trong việc thực hiện chức năng chủ sở hữu, Nhà nước thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của nhà đầu tư, chủ sở hữu bình đẳng với các nhà đầu tư khác theo quy định của pháp luật nhằm bảo đảm môi trường quản trị, kinh doanh lành mạnh và thu hút nhà đầu tư tham gia vào doanh nghiệp nhà nước.

Trong khi Nghị quyết Trung ương 3 (khóa IX) xác định: *“phân định rõ quyền quản lý hành chính kinh tế của Nhà nước và quản lý sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Cơ quan quản lý nhà nước căn cứ vào quy định của pháp luật và yêu cầu quản lý mà ban hành đồng bộ hệ thống văn bản pháp quy để*

thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, trong đó có doanh nghiệp nhà nước. Phân định rõ quyền của các cơ quan nhà nước thực hiện chức năng chủ sở hữu đối với doanh nghiệp nhà nước. Chính phủ thống nhất quản lý và tổ chức thực hiện các quyền của chủ sở hữu đối với doanh nghiệp nhà nước”.

9. Về đổi mới mô hình tổ chức và phương thức lãnh đạo của tổ chức Đảng tại doanh nghiệp nhà nước

So với Nghị quyết Trung ương 3 (khóa IX), Nghị quyết số 12-NQ/TW (khóa XII) lần này có một số giải pháp quan trọng là:

- Nâng cao hiệu quả và vai trò lãnh đạo toàn diện của tổ chức đảng tại doanh nghiệp nhà nước trong việc chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, xây dựng và thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn của Nhà nước, công tác chính trị, tư tưởng, công tác cán bộ, công tác kiểm tra, giám sát; đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí; lãnh đạo các tổ chức chính trị - xã hội trong doanh nghiệp, phát huy dân chủ cơ sở.

- Quy định rõ trách nhiệm của cấp uỷ, người đứng đầu tổ chức đảng trong doanh nghiệp nhà nước khi để xảy ra thua lỗ, tổn thất trong hoạt động và vi phạm chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

